

Số: /TB-TTYT

Thanh Hoá, ngày tháng 7 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ điểm d, Khoản 2, Điều 16 Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Trung Tâm Y tế Huyện Thanh Hóa có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu *Mua sắm hóa chất xét nghiệm khám sức khỏe định kỳ cán bộ thuộc diện ban thường vụ huyện ủy quản lý năm 2024* của Trung Tâm Y tế Huyện Thanh Hoá, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: **Trung tâm Y tế Huyện Thanh Hóa**

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Phùng Tấn Tài, Trưởng Khoa dược –TTB-VTYT,

Điện Thoại: 0908136400:

Mail: ttythoa@longan.gov.vn hoặc dstailongan@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: *theo một trong các cách thức sau:*

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Thanh Hóa, Huyện Thanh Hóa, Tỉnh, Long An.

- Nhận qua email: ttythoa@longan.gov.vn hoặc dstailongan@gmail.com

- Nhận qua Fax: 02723.857.499

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 5 tháng 7 năm 2024 đến trước 17h ngày 17 tháng 7 năm 2024. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:

Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 5 tháng 7 năm 2024 đến ngày 5 tháng 10 năm 2024

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục Hóa chất

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Qui cách(hoặc tương đương)	Đơn vị tính
1	Cleanac	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: xanh lá Mùi: nhẹ Độ pH: 7,7 đến 8,3 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Polyoxyethylene nonylphenyl ether và Ethylene glycol monophenyl ether	5.000	Can/5lit	ml
2	Hemolynac 3N	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 7.5 đến 9.5 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích âm	500	500ml	ml
3	Hemolynac 5	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 7.5 đến 9.5 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích âm	500	500ml	ml

4	Isotonac 3	Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 7.35 đến 7.55 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Natri clorid, Sulfate	36.000	18L/ Can	ml
5	GGT 110	Thành phần: Tris buffer (pH 8,25) 125 mmol/l Glycyl Glycine 125 mmol/l L-γ-Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 20 mmol/l. Measuring range (phạm vi đo): 1.68 - 500 U/l	110	R1: 2x44ml, R2: 2x11ml	ml
6	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CHOLESTEROL	R1: Good's Buffer 50 mmol/l Phenol 5 mmol/l 4-aminoantipyrine 0.3 mmol/l Cholesterol esterase ≥ 200 U/l Cholesterol oxidase ≥ 50 U/l Peroxidase ≥ 3 kU/l. Measuring range (phạm vi đo): 4.2 - 695 mg/dl	440	R1: 10x44ml	ml
7	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CREATININE	R1: Sodium Hydroxide 240 mmol/l. R2: Picric Acid: 26 mmol/l Measuring range (phạm vi đo): 0.08 - 18 mg/dl	275	R1: 5x44ml, R2: 5x11ml	ml
8	Thuốc thử xét nghiệm định lượng GLUCOSE	Phosphate buffer 250 mmol/l Glucose oxidase > 25 U/ml Peroxidase > 2 U/ml Phenol 5 mmol/l 4-aminoantipyrine 0.5 mmol/l Measuring range (phạm vi đo): 2.34-450 mg/dl Glucose oxidase 4000 U/L Hóa chất R2: Phosphate buffer 100 mmol/L Peroxidase 6700 U/L 4-Aminoantipyrine 0.7 mmol/L p-Hydroxybenzoic acid sodium 1.3 mmol/L - Thuốc thử có barcode sử dụng tương thích máy phân tích sinh hóa tự động hiện có ở	880	R1: 10x44ml	ml

		Trung tâm.			
9	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AST/GOT	R1: Tris Buffer (pH 7.5) 110 mmol/l L-Aspartic acid 340 mmol/l LDH ≥ 4000 U/l MDH ≥ 750 U/l R2: CAPSO 20 mmol/l 2-oxoglutarate 85 mmol /l NADH 1.05 mmol/l Measuring range (phạm vi đo): 3.84-390 U/l	330	R1: 6x44ml, R2: 6x11ml	ml
10	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ALT/GPT	R1: Tris Buffer (pH 7.5) 137.5 mmol/l L-Alanine 709 mmol/l LDH (microbial) ≥ 2000 U/l R2: CAPSO 20 mmol/l 2-oxoglutarate 85 mmol /l NADH 1.05 mmol/l Measuring range (phạm vi đo): 4.4-360 U/l	330	R1: 6x44ml, R2: 6x11ml	ml
11	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HDL DIRECT	R1: MES buffer (pH 6.5) 6.5 mmol/l TODB N, N-Bis(4-sulfobutyl)-3-methylaniline 3 mmol/l Polyvinyl sulfonic acid 50 mg/l Polyethylene-glycol-methyl ester 30 ml/l MgCl ₂ 2 mmol/l R2: MES buffer (pH 6.5) 50 mmol/l Cholesterol esterase 5 kU/l Cholesterol oxidase 20 kU/l Peroxidase 5 kU/l 4-aminoantipyrine 0.9 g/l Detergent 0.5 % Measuring range (phạm vi đo): 1.90 – 193 mg/dl	160	R1: 4x30ml, R2: 4x10ml	ml
12	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Uric Acid	R1 Pipes Buffer (pH 7.0) 50 mmol/l 4-Aminoantipyrine 0.375 mmol/l Uricase ≥ 200 U/l R2 Pipes Buffer (pH 7.0) 50 mmol/l TOOS 1.92 mmol/l Peroxidase ≥ 5000 U/l Measuring range (phạm vi đo): 0.28 – 25	275	R1: 5x44ml, R2: 5x11ml	ml

		mg/dl			
13	Chất kiểm tra giá trị bình thường các thông số xét nghiệm sinh hóa	Dùng để kiểm tra giá trị bình thường các thông số xét nghiệm sinh hóa. Thành phần: Điều chế từ huyết thanh của con người với các chất phụ gia hóa học và chiết xuất mô từ người và động vật, được thêm một số vi khuẩn.	20	14x5ml, 1x20ml	ml
14	Chất kiểm tra giá trị cao các thông số xét nghiệm sinh hóa	Dùng để kiểm tra giá trị bệnh lý các thông số xét nghiệm sinh hóa.	20	4x5ml, 1x20ml	ml
15	Chất hiệu chuẩn HDL/LDL CAL	Hóa hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL/LDL. Chất hiệu chuẩn ổn định cho đến ngày hết hạn ghi trên nhãn khi được bảo quản kín ở 2-8°C	2	R1: 2x1ml	ml
16	Labonacheck A1c HbA1c Test Kit	R1/Reagent - Boronate derivative 0,04 mg - Organic solvent 6,2 % - Lysing agent 0,15 % R2/Reagent - Detergent..... 0,5 % Test device - Bộ lọc (sợi thủy tinh) - Màn lọc (Nylon) - Miếng hấp thụ (sợi thủy tinh)	5	Hộp (24 tests)	Hộp
Tổng cộng: 16 mặt hàng					

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế:

Trung tâm Y tế Huyện Thanh Hóa- Khoa Dược –TTB-VTYT

Khu phố 3, thị trấn Thanh Hóa, Huyện Thanh Hóa, Tỉnh, Long An

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Quý III/2024.

4. . Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

Tạm ứng.

Phương thức thanh toán: bằng chuyển khoản.

Điều kiện thanh toán: Hàng hóa được xem là đủ điều kiện thanh toán khi đã được giao hàng cho Chủ đầu tư, được kiểm tra và được cung cấp đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ.

Thời hạn thanh toán: trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận hàng và đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ.

Đồng tiền thanh toán theo hợp đồng: Việt Nam đồng (VNĐ).

5. Các thông tin khác (nếu có).

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, Phòng TCHC, Dược.

GIÁM ĐỐC

Lê Văn Thanh